

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày 12/01/2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Quyết Thắng và ông Lý A Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2022/TLST-HN&GD ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc Ly hôn; tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26/12/2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị L; sinh năm 1994; nơi ĐKKHKT: Bản N, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên; nơi ở hiện nay: Bản P, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

Bị đơn: Anh Lò Văn T; sinh năm 1988; nơi ĐKKHKT: Bản N, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên; hiện nay đang chấp hành án tại: Đội 3, phân trại số 3, Trại giam số Cục C10 Bộ Công an, địa chỉ: Xã H, huyện T, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 9 năm 2022, Bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lò Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị L và anh Lò Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 05/02/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận, bảo ban nhau làm ăn lo cho gia đình. Tuy nhiên, do anh T đi làm thuê xa nhà nên không làm chủ được bản thân đã sử dụng ma túy. Để có ma túy sử dụng anh T đã phạm tội trộm cắp tài sản. Vì nghĩ anh T sau lần đó sẽ thay đổi, sửa chữa nên khi vợ chồng đi làm thêm thì anh T đi theo bạn bè tiếp tục sử dụng ma túy. Cũng vì ma túy mà đến nay anh T đang phải chấp hành án tại Đội 3, phân trại số 3, Trại giam số 6. Sau khi anh T đi chấp hành án thì chị L có đến thăm anh T một lần và đã nói rõ về việc sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Đến nay chị L đã nộp đơn gửi đến Tòa án yêu cầu giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Lò Văn T vì chị L cho rằng không thể tiếp tục kéo dài cuộc

hôn nhân không có hạnh phúc với anh T, nên vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L ly hôn với anh Lò Văn T.

Về con chung: Chị Lò Thị L và anh Lò Văn T có 02 con chung là Lò Thị Tuyền L; sinh ngày 17/10/2012 và Lò Thị Kim L; sinh ngày 28/01/2015. Khi ly hôn chị L đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành và đủ khả năng lao động. Do hiện tại anh T đang chấp hành án không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lò Thị L là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tại bản tự khai ngày 13/10/2022 và ngày 31/10/2022 của anh Lò Văn T trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh Lò Văn T và chị Lò Thị L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. Anh T và chị L đã có mâu thuẫn trong cuộc sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng của anh T đối với chị L không còn, chị L xin ly hôn nên anh T cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị Lò Thị L và anh Lò Văn T có 02 con chung là Lò Thị Tuyền L; sinh ngày 17/10/2012 và Lò Thị Kim L; sinh ngày 28/01/2015. Khi ly hôn anh T nhận nuôi dưỡng cháu Lò Thị Kim L, nhưng hiện tại do anh T đi chấp hành án nên nhờ mẹ anh T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi anh T đi chấp hành án về sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn nguyện vọng ngày 28/9/2022 của cháu Lò Thị Tuyền L và cháu Lò Thị Kim L trình bày: Cháu Lò Thị Tuyền L và cháu Lò Thị Kim L có nguyện vọng được ở cùng chị Lò Thị L, khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh của Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lò Thị L, cho chị Lò Thị L ly hôn với anh Lò Văn T; đề nghị HĐXX áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Lò Thị Tuyền L; sinh ngày 17/10/2012 và Lò Thị Kim L; sinh ngày 28/01/2015 cho chị Lò Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị L và anh T không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, nên không đề nghị xem xét về phần cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và đơn đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm của

chị L đề nghị Tòa án miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị L, do chị L là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện: Xét đơn khởi kiện của chị Lò Thị L với anh Lò Văn T thì được xác định là vụ án ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Thẩm quyền giải quyết: Thời điểm chị L nộp đơn khởi kiện, anh T có nơi ĐKHKTT tại bản N, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên; nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho chị Lò Thị L và anh Lò Văn T đúng theo quy định Điều 174; Điều 181 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 26/12/2022, anh T vắng mặt Tòa án đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa 12/01/2023, anh T vắng mặt, chị L có mặt. Việc đưa ra xét xử vắng mặt của anh T vẫn đảm bảo quyền lợi của anh T và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị L với anh Lò Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 05/02/2013. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc, thực hiện theo đúng trình tự đăng ký kết hôn, nên có thể xác định hôn nhân của chị L và anh T là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật Hôn nhân & gia đình.

Xét về yêu cầu giải quyết ly hôn thì thấy: Chị Lò Thị L với anh Lò Văn T đều thừa nhận, mối quan hệ hôn nhân đã bị rạn nứt do anh T sử dụng ma túy vi phạm pháp luật. Đến nay chị L và anh T đều không còn tình cảm yêu thương vợ chồng. Đồng thời trình bày về mối quan hệ hôn nhân của chị L và anh T là hoàn toàn phù hợp với kết quả xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T do Tòa án thu thập. Từ những căn cứ nêu trên thấy rằng, cuộc sống hôn nhân giữa chị L và anh T đã có rạn nứt, không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài; vì vậy yêu cầu ly hôn của chị Lò Thị L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình; do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị Liếng, cho chị Lò Thị L ly hôn với anh Lò Văn T.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị L và anh Lò Văn T đều xác nhận có 02 người con là Lò Thị Tuyên L; sinh ngày 17/10/2012 và Lò Thị Kim L; sinh ngày 28/01/2015. Theo yêu cầu của chị Lò Thị L và anh Lò Văn T cũng như nguyện vọng của hai cháu L và L thì thấy rằng: Hiện tại anh T đang chấp hành án nên không đủ điều kiện để nhận trực tiếp nuôi con. Do đó để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung của chị L và anh T có điều kiện phát triển tốt nhất về cả thể chất lẫn tinh thần; thì HĐXX thấy cần căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, giao cho chị Lò Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi

thành niên và đủ khả năng lao động. Đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần cấp dưỡng; HĐXX thấy không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các con chung, nên HĐXX không giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và đơn đề nghị miễn án phí; Hội đồng xét xử xét thấy chị Lò Thị L là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và chị L có đơn đề nghị miễn án phí vì vậy chị L đủ điều kiện được xét miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận. *Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị L được ly hôn với anh Lò Văn T.
2. Về con chung: Giao cho chị Lò Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Thị Tuyên L; sinh ngày 17/10/2012 và Lò Thị Kim L; sinh ngày 28/01/2015 cho đến khi thành niên và đủ khả năng lao động. Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Lò Thị L có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Anh Lò Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Chị Lò Thị L và anh Lò Văn T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không yêu cầu giải quyết.
4. Về án phí: Chị Lò Thị L được miễn án phí ly hôn.
5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 12/01/2023); anh Lò Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- Lưu.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN CỦA HĐXX

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA